

Số: *14* /TB-BV

Hà Giang, ngày *12* tháng *03* năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc triển khai các dịch vụ kỹ thuật
thuộc các chuyên khoa Tim mạch và Điện quang

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-SYT ngày 12/02/2014 của Giám đốc Sở y tế Hà Giang về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được thực hiện tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-SYT, ngày 01/02/2021 của Sở Y tế Hà Giang về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn đối Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Thông tư 13/2019/TT-BYT, ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2018/TT-BYT, ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế giữa các Bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

Căn cứ công văn số 244/BHXXH-GĐBHYT, ngày 01/3/2021 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Hà Giang về trả lời triển khai DVKT mới của Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang triển khai một số dịch vụ kỹ thuật thuộc các chuyên khoa Tim mạch và Điện quang phục vụ người bệnh cụ thể như sau:

1. Tên các dịch vụ kỹ thuật: (Có danh mục kèm theo)

2. Phê duyệt: tại danh mục tương đương tại Quyết định số 7435/QĐ-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về quy trình kỹ thuật và chi phí thực hiện theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT

3. Thời gian triển khai.

Trên đây là những nội dung về việc triển khai một số dịch vụ kỹ thuật mới. Phòng TCKT phối hợp với phòng Công nghệ thông tin và truyền thông cập nhật kỹ thuật dịch vụ mới vào hệ thống phần mềm Bệnh viện. Đề nghị các khoa căn cứ hướng dẫn chỉ định phù hợp, nâng cao chất lượng điều trị cho người bệnh và triển khai dịch vụ từ ngày 02/03/2021.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, KHTH.



Bs CKII. Phạm Anh Văn

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

DANH MỤC KỸ THUẬT TRIỂN KHAI

(Kèm theo Thông báo số: 14 /TB-BV, ngày 02 tháng 3 năm 2021)



TT	Mã tương đương	Mã TT 43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43,50,21	Tên phiên ngành tại QĐ: 7435/QĐ-BYT, ngày 14/12/2018 Thống nhất tên các dịch vụ kỹ thuật KCB tương đương thực hiện Thông tư 39/2018/TT-BYT	Giá thanh toán theo TT 13
II. NỘI KHOA					
B. TIM MẠCH					
1	02.0069.0054	2.69	Bit lỗ thông liên nhĩ/liên thất/ống động mạch	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
2	02.0078.0054	2.78	Đặt filter lọc máu tĩnh mạch chủ	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
3	02.0081.0054	2.81	Đặt bóng đối xung động mạch chủ	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
4	02.0103.0054	2.103	Nong hẹp van 2 lá bằng bóng Inoue	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
5	02.0104.0054	2.104	Nong van động mạch chủ	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
6	02.0106.0054	2.106	Nong van động mạch phổi	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
7	02.0107.0054	2.107	Nong màng ngoài tủa bằng bóng trong điều trị tràn dịch màng ngoài tủa mạn tính	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
8	02.0125.0053	2.125	Thông tủa chân đòn (Dưới DSA)	Chụp động mạch vành hoặc thông tủa chụp buồng tủa dưới DSA	5,916,000
9	02.0126.0053	2.126	Thông tủa và chụp buồng tủa cản quang	Chụp động mạch vành hoặc thông tủa chụp buồng tủa dưới DSA	5,916,000
10	02.0440.0054	2.440	Hút huyết khối trong động mạch vành	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
11	02.0467.0054	2.467	Bit ống động mạch bằng dụng cụ qua da	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
XVIII. ĐIỆN QUANG					
D. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP					
8. Điện quang tủa mạch					
12	18.0658.0054	18.658	Chụp, nong động mạch vành bằng bóng	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
13	18.0659.0054	18.659	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
14	18.0661.0053	18.661	Thông tủa ống lớn (dưới DSA)	Chụp động mạch vành hoặc thông tủa chụp buồng tủa dưới DSA	5,916,000
15	18.0662.0054	18.662	Nong van hai lá (dưới DSA)	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
16	18.0663.0054	18.663	Nong van động mạch chủ (dưới DSA)	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
17	18.0664.0054	18.664	Nong van động mạch phổi (dưới DSA)	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
18	18.0665.0054	18.665	Bit thông liên nhĩ (dưới DSA)	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
19	18.0666.0054	18.666	Bit thông liên thất (dưới DSA)	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
20	18.0667.0054	18.667	Bit ống động mạch (dưới DSA)	Chụp và can thiệp tủa mạch (van tủa, tủa bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	6,816,000
21	18.0672.0055	18.672	Chụp nong động mạch ngoài biên bằng bóng (dưới DSA)	Chụp và can thiệp mạch chủ bụng hoặc ngực và mạch chi dưới DSA	9,066,000